

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 01 - 2024.

V/v ly hôn giữa chị T và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Chạc, ông Đàm Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST- HNGĐ ngày 09/11/2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm B, N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn N; sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm B, N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T thể hiện: Chị và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn vào kết hôn ngày 07/01/2008 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn về kinh tế và lối sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn. Về con chung: Chị T xác định chị và anh N có 02 con chung là cháu Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 07/10/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con

chung là 1 triệu đồng/cháu/tháng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn N nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị T đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính cách, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên cũng nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh N xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 07/10/2012. Sau khi ly hôn anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và anh sẽ cấp dưỡng là 1 triệu đồng/cháu/tháng cho tới khi các cháu 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn N. Giao con chung là cháu Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 07/10/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/tháng cho tới khi con 18 tuổi. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị T có đơn xin ly hôn anh Trần Văn N và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh N vắng mặt nhưng anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn N vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N là hôn

nhân tự do, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì chị Trần Thị T và anh Trần Văn N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy việc ly hôn giữa chị T và anh N là thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có 02 (hai) con chung là cháu Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 07/10/2012. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Xét thấy từ sau khi anh N, chị T sống ly thân thì việc nuôi dưỡng con chung của chị T đảm bảo sự phát triển tốt cho các cháu. Bản thân hai cháu cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn N.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Bảo N1, sinh ngày 06/02/2011 và cháu Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 07/10/2012 (hiện nay hai cháu đang ở cùng chị T). Anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho tới khi các cháu thành niên 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001256 ngày 09/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị T đã nộp đủ án phí. Anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tuyên

án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Văn Chung